

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá cát kết làm vật liệu
xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trường Lâm
và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2025)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật Khoáng sản
ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày
12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên
quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; Nghị
định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính
phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến
năm 2045;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định
trong hoạt động thăm dò khoáng sản; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26
/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số
điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản
và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp
phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng
cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ
lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường và xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hoá);

Căn cứ Giấy phép số 240/GP-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vicenza được thăm dò khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường và xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hoá);

Xét Đơn đề ngày 23/6/2025 kèm theo hồ sơ của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vicenza đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường và xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hoá); Văn bản số 731/CV-CT ngày 14/8/2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vicenza lựa chọn thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ ngày 23/6/2024; Phiếu đánh giá Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hoá của các chuyên gia và cán bộ chuyên môn thuộc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1304/TTr-SNNMT ngày 22/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trường Lâm và phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích thăm dò:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 20,66 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng); trong đó diện tích thuộc xã Trường Lâm là 7,5218 ha; diện tích thuộc phường Trúc Lâm là 13,1382 ha.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122: 20.316.448 m³, trong đó:
- + Trữ lượng cấp 121: 6.301.986 m³.
- + Trữ lượng cấp 122: 14.014.462 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp cấp 122: 2.355.493 m³.

4. Cao độ tính trữ lượng: Cos + 28 m.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường, đất san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Khoáng sản chính: Đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 121 + 122: 20.316.448 m³, trong đó:

+ Trữ lượng cấp 121: 6.301.986 m³.

+ Trữ lượng cấp 122: 14.014.462 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp cấp 122: 2.355.493 m³.

Điều 2.

1. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vicenza chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo kết quả thăm dò của đơn vị; Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các số liệu, nội dung trong hồ sơ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vicenza;
- Lưu: VT, CN (T10.85).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN TẠI MỎ ĐÁ CÁT KẾT LÀM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG XÃ TRƯỜNG LÂM
VÀ PHƯỜNG TRÚC LÂM, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Diện tích khu vực thăm dò	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
20,66 ha	1	2145 911,00	569 978,00
	2	2145 941,00	570 401,00
	3	2146 074,00	570 517,00
	4	2145 977,00	570 568,00
	5	2145 424,00	570 121,00
	6	2145 750,00	569 802,00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN
TẠI MỎ ĐÁ CÁT KẾT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
XÃ TRƯỜNG LÂM VÀ PHƯỜNG TRÚC LÂM, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

1. Khoáng sản chính: Đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng đá cát kết làm VLXD (m ³)	Ghi chú
1	1-121	+ 28	519.434	
2	2-121	+ 28	1.115.902	
3	3-121	+ 28	1.898.550	
4	4-121	+ 28	2.768.100	
Trữ lượng cấp 121			6.301.986	
5	1-122	+ 28	54.855	
6	2- 122	+ 28	9.763.230	
7	3- 122	+ 28	4.196.377	
Trữ lượng cấp 122			14.014.462	
Tổng trữ lượng cấp 121+122			20.316.448	

2. Khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng đất làm vật liệu san lấp (m ³)	Ghi chú
1	1-122	+ 48	10.200	
2	2-122	+ 54	198.850	
3	3-122	+ 70	545.970	
4	4-122	+ 95	1.006.015	
5	5-122	+ 102	594.458	
Trữ lượng cấp 122			2.355.493	